

# A TỖ ĐÀM TRONG TRUYỀN THÔNG HỮU BỘ

**JINTARO TAKAKUSU**  
Tỳ kheo Giác Nguyên dịch Việt

[01]

## **PHÁT TRÍ LUẬN (JNANAPRASTHANA)** **của CA ĐA DIỄN TỬ (KATYAYANIPUTRA)**

Trung Hoa có tới hai bản dịch về tác phẩm này, một bản thuộc thể kỷ thứ tư và một bản thuộc thể kỷ thứ bảy với hai tên gọi khác nhau là Bát Kiền Độ (Astagrantha hoặc Atthagantho) và Phát Trí Luận (Jnanaprasthana). Điều này càng rõ ràng hơn khi trong tác phẩm Cuộc Đời Thiên Thân, Chân Đế đã nói bóng gió rằng Phát Trí Luận có đến 2 tên gọi. Sau đây là bảng so sánh hai bản dịch nói trên:

### **A) A TỖ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ LUẬN**

- Gồm 8 Kiền Độ (gantha) - 44 Bạt cừ (vagga)
- 30 chương - 554 trang
- Tác giả: Ca Chiên Diên Tử
- Dịch giả: Cồ Đàm Tăng Già Đề Bà (Gotamasanghadeva) đến từ Kế Tân (Kashmir) năm 383 cùng Trúc Phật Niệm (người Hán) 350-417, có một phẩm do Dhammapiya từ Kế Tân đến dịch.

### **B) A TỖ ĐẠT MA PHÁT TRÍ LUẬN**

- 8 uẩn (skandha) <sup>1</sup> - 44 Nạp Túc (vargo)
- 20 chương - 382 trang
- Tác giả: Ca Đa Diễn Ni Tử
- Dịch giả: Huyền Tráng (657-660)

Chúng ta được biết cả hai bản Hán trên đây đều được dịch từ cùng một nguyên tác giống nhau. Và dù có nhiều cách đọc hiểu khác nhau trên một bản gốc nhưng xem ra ở cả hai bản dịch Hán vẫn đều không đưa ra một nội dung khác biệt nào. Để bắt đầu mỗi chương, Ca Chiên Diên Tử luôn nêu lên một loạt các câu hỏi rồi sau đó chính Ngài tự mình trả lời lần lượt từng vắn đề. Huyền Tráng đã lược bỏ các câu hỏi dẫn nhập này nên bản dịch của ông so ra có phần ngắn gọn hơn của các tiền bối. Từ đó, nếu không kể một bản Tạng văn nào đó mà nay mai có thể phát hiện được, thì một bản dịch Hán văn sau hai lần hiệu đính sẽ thành ra một định bản tiêu chuẩn.

Như đã nói ở trên, Phát Trí Luận là một công trình quan trọng nhất của Hữu Bộ, chiếm vị trí cao nhất trong lĩnh vực tham cứu của bộ phái, để 6 tập A Tỳ Đàm kia trở thành bộ phận bổ sung và trở thành động cơ cho luận Tỳ Bà Sa ra đời. Theo bản dịch Hán văn của Tăng Già Đề Bà và Trúc Phật Niệm thì nguyên tác thật sự tại Ấn Độ của Phát Trí Luận có tới 15,072 (mười lăm ngàn lẻ bảy mươi hai) thánh tiết (sloka), nếu kể theo trường hợp văn kệ ngôn. Còn như tính theo văn xuôi thì toàn bộ Phát Trí Luận sẽ đạt đến số lượng 482,304 (bốn trăm tám mươi hai ngàn ba trăm lẻ bốn) chữ. Đạo An, người cùng thời với các dịch giả và chết năm 385, ghi trong lời tựa cho bản dịch rằng: "Phạn Bản có tới 15,072 thánh tiết tức 482,304 chữ. Số chữ Hán trong bản dịch là 195,250 (một trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi). Nhưng Tăng Già Đề Bà đã quên (hoặc không ghi chú rõ) phẩm Nhân Duyên nên chỉ kể số lượng chữ tương đương mười Môn". Nên hiểu rằng mỗi Môn có một ngàn sáu trăm thánh tiết lẻ mười hai

chữ. Nhưng dù sao thì ở ngôn ngữ nào cũng vậy, việc tính đếm chi li kiểu đó khó mà tuyệt đối. Song song theo đó, chúng ta còn có thể nói rằng bản Phát Trí Luận do Tăng Già Đề Bà và Dhammapiya đem từ Kashmir sang Trung Quốc là bằng một thứ tiếng nào đó gần gũi với Pali, còn nguyên bản mà Huyền Tráng dùng để dịch được viết bằng Sanskrit. Nhưng suy luận như vậy cũng chỉ là dựa vào lối ký âm trong hai bản dịch chữ thật ra ta vẫn chưa có gì làm bằng. Dù rằng ta còn có thể y cứ vào cách ngắt khúc mỗi tám chương trong bản dịch của Huyền Tráng, một nét đặc trưng trong kinh văn Hữu Bộ.

Trước hết, Huyền Tráng từng đến viếng tịnh xá Tamasavana ở Cinapati (Bắc Ấn), nơi có tới ba trăm chư Tăng Hữu Bộ. Ông ghi lại rằng chính tại đây, ba trăm năm sau ngày Phật tịch, ngài Ca Chiên Diên Tử đã biên soạn bộ Luận Phát Trí. Ngài Huyền Tráng coi như đã nhắc tới mối liên hệ giữa Phát Trí Luận với Hữu Bộ. Và có lẽ chúng ta cũng nên nhắc lại ở đây một đoạn ngắn trong Chí Nguyên Lục: "A Tỳ Đàm Tạng của Thịnh văn có được 38 bộ, 708 chương, 73 trật (hòm đựng). Các bộ phái không có chung một tạng A Tỳ Đàm giống nhau. Theo cách tính của Hữu Bộ, chúng ta xếp Thân Luận lên hàng đầu, thứ đến là 6 tập Túc Luận. Sau cùng là Tỳ Bà Sa và các luận tương đương. Tạng A Tỳ Đàm của các bộ phái khác cứ từ ngôi thứ này mà tính xuống".

## **NỘI DUNG PHÁT TRÍ LUẬN**

### **CUỐN 1- KIỀN ĐỘ I**

#### **Bạt Cừ 1: Siêu Thế Pháp (Nguyên tác Hán văn: Thế gian đệ nhất pháp)**

Thế nào là Siêu Thế Pháp? Pháp này thuộc về phạm trù nào trong các phạm trù? Tại sao gọi Siêu Thế Pháp là Pháp Vô Thượng? Định nghĩa, thuộc tính, quan hệ giữa Siêu Thế Pháp với 22 thân kiến - So sánh Siêu Thế Pháp với các pháp khác. Cuối bạt cừ I có ghi rõ "bản gốc của bạt cừ này có 528 thỉnh tiết".

#### **Bạt Cừ 2: Trí Tuệ**

Nhân tạo trí tuệ, ức niệm, hoài nghi, 6 nhân tạo si mê đáng trách, phép chấm dứt các duyên khởi. "ở bản gốc, bạt cừ này có 230 thỉnh tiết lẽ 20 chữ".

#### **Bạt Cừ 3: Người (Ngài Huyền Tráng dịch âm thành phẩm Bồ Đặc Già La)**

Duyên khởi nào trong 12 Duyên sinh thuộc Quá khứ, Hiện tại, Vị lai? Cứu cánh giải thoát,... một vài đoạn trích từ A Hàm. "Ở bản gốc, bạt cừ này có 148 thỉnh tiết lẽ 16 chữ".

#### **Bạt Cừ 4: Ái Kính**

Lòng tương ái (pema) - lòng tương kính (garava).

Hai trường hợp tương kính: Kính vì tài sản đối phương hay đánh giá trên khía cạnh đạo đức, sức mạnh sinh lý, cứu cánh Níp Bàn. "Bản gốc có 373 thỉnh tiết lẽ 10 chữ".

#### **Bạt Cừ 5: Vô Tàm - Vô Quý**

Ý nghĩa của Vô Tàm, Vô Quý - sự tăng trưởng của các bất thiện căn,... "Bản gốc có 220 thỉnh tiết".

#### **Bạt Cừ 6: Sắc Pháp (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Tam Tướng)**

Sắc Pháp là vô thường vì luôn sinh diệt. Tại sao gọi là Sắc pháp? Vấn đề tam Pháp Ấn (tam tướng)... "Bản gốc có 47 thỉnh tiết"

#### **Bạt Cừ 7: Vô Nghĩa**

Mọi pháp môn khổ hạnh đều không có lợi ích, tất cả những gì khả ái đều mong manh,...  
"Bản gốc có 97 thính tiết".

**Bạt Cừ 8: Tư (cetana)**

Bản về Tư, Tưởng, Tầm, Tứ, Phóng Dật, Vô Minh, Kiêu mạn,... "Bản gốc có 326 thính tiết lễ 18 chữ".

**CUỐN 2 - KIẾN ĐỘ II (BẢN VỀ KIẾT SỬ)**

**Bạt Cừ 1: Bất thiện căn**

Bản về 3 triền - 5 quan kiến - 9 triền - 98 tiềm miên cùng mọi chi tiết, phân tích cần thiết.  
"Bản gốc có 603 thính tiết lễ 14 chữ"

**Bạt Cừ 2: Nhất Hành Thánh**

Bản về những tập khí còn sót lại ở vị Nhất Lai Tư Đà Hàm cùng 9 trường hợp Đoạn Diệt Trí (Pahanaparinna),... "Bản gốc có 1040 thính tiết"

**Bạt Cừ 3: Người (ngài Huyền Tráng dịch là Phạm Hữu Tình)**

Bản về những ác pháp khởi sinh từ tà kiến (vốn khởi sinh từ các pháp môn tu hành), 4 Sa Môn Quả, vấn đề Sinh Tử, những pháp dẫn tới Vô Sanh... "Bản gốc có 467 thính tiết".

**Bạt Cừ 4: Thập Môn**

Bản về các phiền não và con đường chấm dứt chúng cùng những vấn đề liên quan. "Bản gốc có 1600 thính tiết lễ 12 chữ".

**CUỐN 3 - KIẾN ĐỘ III (BẢN VỀ TRÍ)**

**Bạt Cừ 1: Bát Đạo (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Học Chi)**

Bản về trí tuệ các tầng thánh cùng giải thích về chánh kiến vô lậu. "bản gốc có 430 thính tiết".

**Bạt Cừ 2: Ngũ Chứng Kiến**

Bản về các loại tri kiến chánh tà, chánh trí, tà trí, trí tuệ của một vị La Hán. "Bản gốc có 200 thính tiết lễ 14 chữ".

**Bạt Cừ 3: Tha Tâm Thông**

Định nghĩa về Tha Tâm Trí và Túc Mạng Minh,... "Bản gốc có 130 thính tiết".

**Bạt Cừ 4: Tu Trí**

Con đường phát triển bát trí: Pháp trí, Loại trí (anvayajana), Thế Tục trí (samvtrjana), Khổ Đế trí, Tập Đế trí, Diệt Đế trí, Đạo Đế trí, Đoạn Tận trí (ksayajana), Vô Sinh trí (anutpadaj). "Bản gốc có 930 thính tiết".

**Bạt Cừ 5: Tương Ứng (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Thất Thánh)**

Bản về 77 loại Thánh trí và những gì liên quan. "Bản gốc có 1033 thính tiết".

**CUỐN 4 - KIẾN ĐỘ (BẢN VỀ NGHIỆP)**

(Ngài Tăng Già Đề Bà dịch là Hành, Ngài Huyền Tráng dịch là Nghiệp)

**Bạt Cừ 1: Ác hành**

Bản về 3 ác hạnh và quả báo của chúng... "Bản gốc 192 thính tiết".

Bạt Cừ 2: Tà Ngữ

Bản chi tiết về tội tà ngữ... "Bản gốc có 245 thính tiết".

Bạt Cừ 3: Hại Chúng Sinh (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Hại Sinh)

Bản về tội sát sinh cùng quả báo của nó. "Bản gốc có 309 thính tiết". Bản dịch của ngài Huyền Tráng còn xác định nội dung phẩm này thuộc về quan điểm riêng của Hữu Bộ.

Bạt Cừ 4: Hữu Giáo Vô Giáo (ngài Huyền Tráng dịch là Biểu Vô Biểu)

Bản về mối quan hệ của Thiện nghiệp, Ác nghiệp đối với Quá khứ, Tương lai,... "Bản gốc có 273 thính tiết".

Bạt Cừ 5: Tự Hành (ngài Huyền Tráng dịch là Tự Nghiệp)

Bản về các nghiệp, đặc biệt khẩu nghiệp. Ở đây giải rộng khẩu nghiệp và giải thích từng trường hợp (Buddhavak, B. Jalpa, B. Vyahara, B. Gira, B. Bhasya, B. Nirukti, B. Vaksvara, B. Vakpatha) để nói rõ về Khẩu Biểu Tri (Vag-Vijmapti). Ngài Huyền Tráng bảo phẩm này của Hữu Bộ. "Bản gốc có 185 thính tiết".

**CUỐN 5 - KIẾN ĐỘ V (VỀ TỨ ĐẠI)**

(Ngài Huyền Tráng dịch là Đại Chung Uẩn)

Bạt Cừ 1: Tịnh Căn (ngài Huyền Tráng dịch là Đại Tạo)

Bản về 4 đại và các thành phẩm từ chúng... "Bản gốc có 392 thính tiết".

Bạt Cừ 2: Duyên

Bản về duyên khởi của 4 đại trong 3 thời Quá khứ, Vị lai, Hiện tại đối với nhau. "Bản gốc có 547 thính tiết".

Bạt Cừ 3: Kiến Đế (ngài Huyền Tráng dịch là Cụ Kiến)

Lược giải những gì thuộc về Sắc Giới (Rupadhatu)... "Bản gốc có 169 thính tiết. Ngài Huyền Tráng thêm rằng phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 4: Nội Tạo (ngài Huyền Tráng dịch là Cháp Thu)

Bản về các giác quan, cảm thọ... "Bản gốc có 210 thính tiết".

**CUỐN 6 - KIẾN ĐỘ VI (VỀ 22 QUYỀN)**

(Ở cả hai bản Hán đều dịch là Căn)

Bạt Cừ 1: Căn

Bản về 22 quyền của giáo lý A Tỳ Đàm (kể cho dễ nhớ là gồm 6 quyền giác quan, 5 quyền về cảm thọ, 5 quyền về tu tập, 2 quyền về giới tính, 3 quyền về Thánh Trí cùng với mạng quyền tức khả năng tồn tại của các quyền trên). "Bản gốc có 314 thính tiết. Ngài Huyền Tráng bảo rằng phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 2: Hữu

Bản về Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu,... "Bản gốc có 328 thính tiết".

Bạt Cừ 3: Cảnh lạc (ngài Huyền Tráng dịch là Xúc)

Bản về 16 loại Xúc... "Bản gốc có 141 thính tiết".

Bạt Cừ 4: Thủy Tâm (ngài Huyền Tráng dịch là Đẳng Tâm)

Bản về hành trạng của Tâm (trước sau có như một hay không) . "Bản gốc có 269 thính tiết".

Bạt Cừ 5: Thủy (thí) phát tâm (ngài Huyền Tráng dịch là Nhất Tâm).

Phải chăng vạn pháp hiện hữu từ sự có mặt của tâm thức? "Bản gốc có 242 thính tiết".  
Ngài Huyền Tráng bảo phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 6: Ngự Tử (ngài Huyền Tráng dịch là Phẩm Ngự) 2

Bản về con số 22 của Nhị Thập Nhị Quyền. "Bản gốc có 173 thính tiết".

Bạt Cừ 7: Duyên (ngài Huyền Tráng dịch là Đắc)

Phải chăng cả 22 quyền đều được hình thành từ nhân tố quá khứ? Bản dịch không ghi rõ số thính tiết trong nguyên tác của phẩm này nhưng có ghi đôi dòng phụ chú sau đây:

"Ngài Tăng Già Đề Bà người Kế Tân đã bỏ sót phẩm này nhưng sau lại có một Phật tăng khác cũng người Kế Tân là ngài Đàm Ma Ti (Dhammapiya) vốn thuộc lòng phẩm này, đã đến viếng ngài Tăng Già Đề Bà rồi dịch luôn phẩm này. Nhờ vậy bản dịch Bát Kiền Độ coi như viên thành. Ngài Đàm Ma Ti xác định Bát Kiền Độ là thân mình còn 6 tập luận kia là 6 chân của A Tỳ Đàm Hữu Bộ. Cộng chung 7 tập luận có đến một triệu chữ. Ngài Đàm Ma Ti bảo rằng rất lấy làm buồn khi không thể tụng đọc chỉ 2 trong 6 Túc Luận thôi. Phần phụ chú này được thêm vô sách tại Chùa Chánh Hoạn (Dương Châu) ngày 19 tháng giêng năm thứ 15 triều Kiến Nguyên nhà Tấn"

**CUỐN 7 - KIẾN ĐỘ VII (BẢN VỀ ĐỊNH)**

Bạt Cừ 1: Quá Khứ Đắc (ngài Huyền Tráng dịch là Đắc)

Bản về các pháp Hành quá khứ... "Bản gốc có 499 thính tiết".

Bạt Cừ 2: Duyên

Bản về thiên định ở các tầng Phạm Thiên giới. "Bản gốc có 184 thính tiết". Ngài Huyền Tráng bảo phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 3: Giải Thoát (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Nhiếp)

Bản về 10 Hoàn Tịnh xứ (Kasinayatana), 8 loại trí và ba loại định. "Bản gốc có 573 thính tiết". Ngài Huyền Tráng bảo phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 4: A Na Hàm (ngài Huyền Tráng dịch là Bát Hoàn)

Bản về 5 hạng Tam Quả. "Bản gốc có 157 thính tiết".

Bạt Cừ 5: Nhất Hành

Bản về quả vị Tư Đà Hàm, về khả năng thiên nhãn,... "Bản gốc có 501 thính tiết".

**CUỐN 8 - KIẾN ĐỘ VIII (BẢN VỀ KIẾN)**

Bạt Cừ 1: Ý Chỉ (ngài Huyền Tráng dịch là Niệm Trụ)

Bản về 4 Niệm Xứ. "Bản gốc có 315 thính tiết".

Bạt Cừ 2: Dục (ngài Huyền Tráng dịch là Tam Hữu)

Bản về ba Hữu trong Tam Giới. "Bản gốc có 186 thánh tiết".

Bạt Cừ 3: Tướng

Bản về mười pháp Quán tướng (giống hết nội dung kinh Girimananda). "Bản gốc có 104 thánh tiết". Ngài Huyền Tráng bảo phẩm này là của riêng Hữu Bộ.

Bạt Cừ 4: Trí Thời (ngài Huyền Tráng dịch là phẩm Trí)

Bản về mối tương quan giữa trí tuệ với đời sống. "Bản gốc có 178 thánh tiết".

Bạt Cừ 5: Kiến

Chủ yếu bản về các loại tà kiến. "Bản gốc có 276 thánh tiết".

Bạt Cừ 6: Kệ (ngài Huyền Tráng chỉ âm là Giá Tha)

Bản về lòng bất tín, 36 tà kiến, lòng từ và phạm thiên cộng với vài câu chuyện ẩn dụ. Tất cả đều được viết bằng thể kệ ngôn. "Bản gốc có 110 thánh tiết". Và ngài Huyền Tráng bảo phẩm này là quan điểm riêng của Hữu Bộ.

Hai bản dịch Hán văn hầu như không mâu thuẫn nhau trừ đoạn kệ thứ 12 trong phẩm này. Trước hết là bản dịch của ngài Tăng Già Đề Bà:

- "Ma-Sha-Tu-Sha-Sang-Shi-Ma-Sa-Pi-Ta-La-Pi-Pi-Li-Ta: Đây là sự chấm dứt đau khổ. Cần nói thêm rằng đây là thứ tiếng Đàm Mật La (Tamil) và chiết tự ra thì như sau: Ma Sha - đừng sống với ác pháp, Tu Sha - hãy sống với thiện pháp. Sang Shi Ma - nỗ lực sống tự chế. Sa Pi Ta La Pi Pi Li Ta - chấm dứt mọi hiên hữu".

Sau đây là bản dịch của Ngài Huyền Tráng:

- "Ei-Ni-Mi-Ni-Kiu-Pu-Ta-Ye-Pu: Không tầm cầu điều ác, sống tịnh lạc tự tại, giải thoát mọi đau khổ. Bốn chữ Ei Ni, Mi Ni, Kiu Pu, Ta Ye Pu trên đây là tiếng Miệt-Lê-Sa (Mleccha) mà đức Phật đã dùng để chỉ cho 4 Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo."

Các nhà học giả hôm nay đã tận lực vẫn không thể tìm thấy chút gì tương đồng giữa câu Kinh Tamil trên với tiếng Tamil hiện đại. Wogihara đã cố gắng khôi phục nguyên dạng Sanskrit của câu đó thành "Masaya tusya samsamya sarvatsa vivingdhi (Övic)". Ông mạnh dạn như vậy là do dựa vào Luận Tỳ Bà Sa (No. 1279), câu trên được chép như sau: Ma-Sha-Tu-Sha-Sang-Shi-Ma-Sa-Pi-Ta-La-Pi-Pi-Li-Ta. Nhưng cái rắc rối vẫn còn nằm ở chữ cuối (Pi Pi Li Ta hoặc Pi Li La). Hai chữ này đều có âm Li chen giữa. Từ đó, ta còn có thể cho rằng chữ nguyên thủy là Vivrngdhi (Övrj) đã bị thay thế bằng Vivingdhi. Và chính Huyền Tráng cũng đã từng phiên âm chữ Vj thành Li, như ở trường hợp Li (Ni) Kiên Từ.

Ở một chỗ khác (một bài kệ trong No. 1279) cũng có những chữ phiên âm lạ và được xác định là tiếng Tamil. Đó là (Khổ đế), Mining (Tập đế), Tapa (Diệt đế), và Talapa (Đạo đế).

---

<sup>1</sup> Từ chỗ nhập nhằng này của hai tài liệu, tôi ngờ rằng chữ Kiên Độ có thể đã được phiên âm từ Kanda (G. Nguyễn)

<sup>2</sup> Ngr ở đây dịch từ chữ Phạn Matsya, hoàn toàn vô nghĩa. Có người nghi ngờ là do dịch giả đọc nhầm chữ Matsarya (bỏn xẻn) dù cả chữ này cũng thất dụng. Khổ nổi, Luận Tỳ Bà Sa đã giải thích rằng sở dĩ gọi thế là vì phẩm này khó nắm bắt như một con cá!

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*updated: 11-09-2002*